

Số: 105 /KSBT-XN-CĐHA-TDCN

CTY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VĨNH LONG  
ĐẾN SỐ: 52/ev  
Ngày: 05/8/24  
Chuyến: TB QLCL  
Lưu hồ sơ có:  
Tên khách hàng: Nhà máy nước Trường An

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 0102.24



Địa chỉ: Số 519, Tân Vĩnh Thuận, Tân Ngãi, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long  
Người lấy mẫu: Vương Ngọc Hải  
Địa điểm lấy mẫu: tại nhà máy nước  
Ngày lấy mẫu: 23/02/2024  
Tên mẫu: Nước sạch S45  
Lượng mẫu: 1đv x 2lit, 1đv x 500ml  
Ngày nhận mẫu: 23/02/2024  
Tình trạng mẫu: Đựng trong bình nhựa và chai thủy tinh

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày kiểm nghiệm
1	Clo dư (đo tại hiện trường)	HACH (DPD Free Chlorine)	0,7 mg/L	0,2 - 1,0 mg/L	23/02/2024
2	Màu sắc	SMEWW 2017-2120 C	< 5 TCU	≤ 15 TCU	23/02/2024
3	Mùi vị	Cảm quan	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	23/02/2024
4	pH	TCVN 6492-2011	7,12	6,0 - 8,5	23/02/2024
5	Độ đục	SMEWW 2130 B:2017(*)	Không phát hiện LOQ = 0,84 NTU	≤ 2 NTU	23/02/2024
6	Coliform tổng cộng	TCVN 6187-1:2019(*)	< 1 CFU/100 mL	< 3 CFU/100 mL	23/02/2024
7	E.coli	TCVN 6187-1:2019(*)	< 1 CFU/100 mL	< 1 CFU/100 mL	23/02/2024

Chú thích:

- (\*): Phép thử đã được công nhận phù hợp theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.
- <1 CFU/100 mL: Được xem như là không phát hiện.
- Tham chiếu Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2018/BYT do Bộ Y tế ban hành.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

Vĩnh Long, ngày 08 tháng 02 năm 2024

TRƯỞNG KHOA XN-CĐHA-TDCN

KS. Võ Thanh Phương



TỔ ĐS. Nguyễn Thanh Cát





CÔNG TY TNHH PHÂN TÍCH KIỂM NGHIỆM VIỆT TÍN  
VIET TIN TESTING CO., LTD

PTN & VP Nhận mẫu: Số 39A, Đường số 4, P. Bình Trị Đông B, Q. Bình Tân, TP. HCM  
Laboratory & Office: No.39A, 4<sup>th</sup> street, Binh Tri Dong B ward, Binh Tan district, HCM city  
Tel: (028) 39158936, (028) 3827 7986 Fax: (028) 3824 7013  
Email: ktclviettin@gmail.com Web: kiemnghiemviettin.com



VILAS 1074 VIMCERTS 211

Số/ No: 0307.2402/KQ-VTT  
Mã số/ Code: KH.0777/01282402  
Mã số mẫu/ Sample code: 01282402-4  
Trang/ Page: 1/1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TESTING REPORT

Tên khách hàng/ Client : NHÀ MÁY NƯỚC TRƯỜNG AN  
Địa chỉ/ Address : Số 519, Khóm Tân Vĩnh Thuận, Phường Tân Ngãi, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long  
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 23/02/2024 Ngày phân tích/ Date of analysis: 24/02/2024  
Ngày trả kết quả/ Date of issue : 29/02/2024  
Loại mẫu/ Kind of sample : Nước đã xử lý Số lượng mẫu/ Quantity of sample: 04 chai x330mL  
Tên mẫu/ Name of sample : Nước sạch tại mạng phân phối  
Địa điểm lấy mẫu: Hộ khách hàng Nguyễn Văn Tho, Khóm Mỹ Thuận, phường Tân Hội, Tp. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long  
Tình trạng mẫu / State of sample : Mẫu đựng trong chai nhựa kín

STT/ No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM/ PARAMETERS	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH/ TESTING METHOD	KẾT QUẢ/ RESULT	ĐƠN VỊ TÍNH/ UNIT	QCVN 01-1: 2018/BYT Cột A
1	Coliforms (*)	ISO 9308-1:2014/ Amd 1 : 2016	< 1	CFU/100mL	< 3
2	Escherichia coli (*)	ISO 9308-1:2014/ Amd 1 : 2016	< 1	CFU/100mL	< 1
3	Clo dư tự do (*)	SMEWW 4500 Cl <sub>2</sub> B : 2023	0,40	mg/L	trong khoảng 0,2-1,0
4	Độ đục (*)	SMEWW 2130 B : 2023	0,30	NTU	2
5	Màu sắc (*)	SMEWW 2120C : 2023	Không phát hiện (LOD=3)	TCU	15
6	Mùi vị	SOP.01-436 : 2022 (Ref. TCVN 2653 : 1978, SMEWW 2150B, 2160B : 2023)	Không có mùi vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ
7	pH (*)	TCVN 6492 : 2011	7,41	-	trong khoảng 6,0-8,5

Ghi chú/ Notes: Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ The results are valid only for testing sample.  
Tên mẫu theo khách hàng yêu cầu/ Name of samples as the client's requirement.  
Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Time-limit of storage: 5 days from reporting date.  
LOD: Giới hạn phát hiện / LOD: Limit of Detection. Kết quả được biểu thị < 1, < 10 CFU/đơn vị tính khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa/ The expression of results is less than 1 or less than 10 CFU/unit when the dish contains no colonies.  
(\*): Chỉ tiêu được VILAS công nhận ISO/IEC 17025:2017/ Items were accredited by VILAS (ISO/IEC 17025:2017).  
(s/c): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ (s/c): Items are tested by subcontractor

PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG  
QUALITY MANAGER

ThS. Huỳnh Ngọc Trường

GIÁM ĐỐC  
DIRECTOR

ThS. Nguyễn Văn Tâm



PTN được chỉ định bởi/ Lab. designated by: Bộ Y Tế - Cục An toàn Thực phẩm/ Ministry of Health - Agency of Food Safety; Bộ NN&PTNT - Cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản/ Ministry of Agriculture - National Agro - Forestry - Fisheries Quality Assurance Department, Bộ Công Thương - Ministry of Industry and Trade of The Socialist Republic of Vietnam.

No. Document: QTCL-13/BM02  
Version: 09  
Date of issue: 18/08/2023

SỰ KHÁC BIỆT TỪ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ VÀ CHUYÊN MÔN  
MAKING DIFFERENCES FROM QUALITY OF SERVICES AND KNOWLEDGE





CÔNG TY TNHH PHÂN TÍCH KIỂM NGHIỆM VIỆT TÍN  
VIET TIN TESTING CO., LTD

PTN & VP Nhận mẫu: Số 39A, Đường số 4, P.Bình Trị Đông B, Q.Bình Tân, TP. HCM  
Laboratory & Office: No.39A, 4<sup>th</sup> street, Binh Tri Dong B ward, Binh Tan district, HCM city  
Tel: (028) 39158936, (028) 3827 7986 Fax: (028) 3824 7013  
Email: ktclviettin@gmail.com Web: kiemnghiemviettin.com



VILAS 1074 VIMCERTS 211

Số/ No: 0306.2402/KQ-VTT  
Mã số/ Code: KH.0777/01282402  
Mã số mẫu/ Sample code: 01282402-3  
Trang/ Page: 1/ 1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TESTING REPORT

Tên khách hàng/ Client : NHÀ MÁY NƯỚC TRƯỜNG AN  
Địa chỉ/ Address : Số 519, Khóm Tân Vĩnh Thuận, Phường Tân Ngãi, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long  
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 23/02/2024 Ngày phân tích/ Date of analysis: 24/02/2024  
Ngày trả kết quả/ Date of issue : 29/02/2024  
Loại mẫu/ Kind of sample : Nước đã xử lý Số lượng mẫu/ Quantity of sample: 04 chai x330mL  
Tên mẫu/ Name of sample : Nước sạch tại mạng phân phối  
Địa điểm lấy mẫu: Hộ khách hàng Trần Thị Nga, ấp Phước Hòa, xã Hòa Phú, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long  
Tình trạng mẫu / State of sample : Mẫu đựng trong chai nhựa kín

STT/ No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM/ PARAMETERS	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH/ TESTING METHOD	KẾT QUẢ/ RESULT	ĐƠN VỊ TÍNH/ UNIT	QCVN 01-1: 2018/BYT Cột A
1	Coliforms (*)	ISO 9308-1:2014/ Amd 1 : 2016	< 1	CFU/100mL	< 3
2	Escherichia coli (*)	ISO 9308-1:2014/ Amd 1 : 2016	< 1	CFU/100mL	< 1
3	Clo dư tự do (*)	SMEWW 4500 Cl <sub>2</sub> B : 2023	0,39	mg/L	trong khoảng 0,2-1,0
4	Độ đục (*)	SMEWW 2130 B : 2023	0,28	NTU	2
5	Màu sắc (*)	SMEWW 2120C : 2023	Không phát hiện (LOD=3)	TCU	15
6	Mùi vị	SOP.01-436 : 2022 (Ref. TCVN 2653 : 1978, SMEWW 2150B, 2160B : 2023)	Không có mùi vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ
7	pH (*)	TCVN 6492 : 2011	7,46	-	trong khoảng 6,0-8,5

Ghi chú/ Notes: Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ The results are valid only for testing sample.

Tên mẫu theo khách hàng yêu cầu/ Name of samples as the client's requirement.

Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Time-limit of storage: 5 days from reporting date.

LOD: Giới hạn phát hiện / LOD: Limit of Detection. Kết quả được biểu thị < 1, < 10 CFU/đơn vị tính khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa/ The expression of results is less than 1 or less than 10 CFU/unit when the dish contains no colonies.

(\*) : Chỉ tiêu được VILAS công nhận ISO/IEC 17025:2017/ Items were accredited by VILAS (ISO/IEC 17025:2017).

(s/c) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ (s/c): Items are tested by subcontractor

PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG  
QUALITY MANAGER

ThS. Huỳnh Ngọc Trường

GIÁM ĐỐC  
DIRECTOR

ThS. Nguyễn Văn Tâm



PTN được chỉ định bởi/ Lab. designated by: Bộ Y Tế - Cục An toàn Thực phẩm/ Ministry of Health - Agency of Food Safety; Bộ NN&PTNT - Cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản/ Ministry of Agriculture - National Agro - Forestry - Fisheries Quality Assurance Department, Bộ Công Thương - Ministry of Industry and Trade of The Socialist Republic of Vietnam.

No. Document: QTCL-13/BM02

Version: 09

Date of issue: 18/08/2023

SỰ KHÁC BIỆT TỪ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ VÀ CHUYÊN MÔN  
MAKING DIFFERENCES FROM QUALITY OF SERVICES AND KNOWLEDGE